

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động và phân loại
thôn, xóm, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hòa Bình**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HOÀ BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn ngày 20 tháng 4 năm 2007;

Căn cứ Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn thi hành các Điều 11, Điều 14, Điều 16, Điều 22 và Điều 26 của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 3408/TTr-SNV, ngày 11 tháng 12 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức, hoạt động và phân loại thôn, xóm, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Điều 2. Hiệu lực thi hành.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2020.

2. Quyết định này bãi bỏ Quyết định số 15/2013/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về ban hành “Quy chế tổ chức và hoạt động của xóm, tổ dân phố thuộc tỉnh Hòa Bình” và Quyết định số 11/2014/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về ban hành “Quy định Tiêu chí phân loại xóm, tổ dân phố thuộc tỉnh Hòa Bình”.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HDND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam
và các tổ chức CT-XH, đoàn thể tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị cấp tỉnh;
- Chánh VP, các Phó CVP/UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Tin học và Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, NC (BTh, 120b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Bùi Văn Khánh

QUY CHẾ

**Tổ chức, hoạt động và phân loại
thôn, xóm, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hòa Bình**
*(Kèm theo Quyết định số 24 /2020/QĐ-UBND, ngày 21 /12/2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về tổ chức, hoạt động và phân loại thôn, xóm, tổ dân phố, khu phố, tiểu khu (sau đây gọi chung là thôn, tổ dân phố) trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Thôn, tổ dân phố thuộc xã, phường, thị trấn.
- b) Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố.
- c) Cộng đồng dân cư tổ chức tại thôn, tổ dân phố.

Điều 2. Thôn, tổ dân phố

Thực hiện theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; áp dụng và quy định thực hiện tại tỉnh Hòa Bình, như sau:

1. Thôn, xóm, làng, bản, ... (tùy theo cách gọi ở từng địa phương và được gọi chung là thôn); thôn được tổ chức ở xã; dưới xã là thôn.

2. Tổ dân phố, khu phố, tiểu khu, ... (tùy theo cách gọi ở từng địa phương và được gọi chung là tổ dân phố); tổ dân phố được tổ chức ở phường, thị trấn; dưới phường, thị trấn là tổ dân phố.

3. Thôn, tổ dân phố không phải là một cấp hành chính mà là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư có chung địa bàn cư trú trong một khu vực ở một xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã); nơi thực hiện dân chủ trực tiếp và rộng rãi để phát huy các hình thức hoạt động tự quản, tổ chức nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ cấp trên giao.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố

Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, cụ thể như sau:

1. Bảo đảm tính tự quản của cộng đồng dân cư, chấp hành sự quản lý nhà nước trực tiếp của chính quyền cấp xã và sự lãnh đạo của cấp ủy đảng.
2. Tuân thủ pháp luật, thực hiện theo hương ước (quy ước); đảm bảo dân chủ, công khai, minh bạch.
3. Không chia tách các thôn, tổ dân phố đang hoạt động ổn định; thực hiện sáp nhập các thôn, tổ dân phố phù hợp với điều kiện, đặc điểm từng địa phương.
4. Trường hợp do quy hoạch giải phóng mặt bằng, quy hoạch giãn dân, do di dân ở miền núi, vùng cao, vùng sâu, vùng xa hoặc nơi có địa hình bị chia cắt phức tạp, địa bàn rộng, giao thông đi lại khó khăn thì điều kiện thành lập thôn, tổ dân phố mới có thể thấp hơn quy định. Trong trường hợp cộng đồng dân cư mới hình thành không đủ điều kiện thành lập thôn mới, tổ dân phố mới thì ghép vào thôn, tổ dân phố liền kề.

Chương II

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA THÔN, TỔ DÂN PHỐ

Điều 4. Tổ chức của thôn, tổ dân phố

Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; áp dụng và quy định thực hiện tại tỉnh Hòa Bình, cụ thể như sau:

1. Mỗi thôn có Trưởng thôn và 01 Phó Trưởng thôn, mỗi tổ dân phố có Tổ trưởng tổ dân phố và 01 Phó Tổ trưởng tổ dân phố.
2. Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố do Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lựa chọn sau khi thống nhất với Trưởng Ban công tác mặt trận thôn, tổ dân phố; Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố.

Điều 5. Nội dung hoạt động của thôn, tổ dân phố

Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, cụ thể như sau:

1. Cộng đồng dân cư ở thôn, tổ dân phố bàn, quyết định chủ trương và mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi công cộng trong phạm vi cấp xã, thôn, tổ dân phố do Nhân dân đóng góp toàn bộ hoặc một phần kinh phí và các công việc tự quản trong nội bộ cộng đồng dân cư phù hợp với quy định của pháp luật.
2. Cộng đồng dân cư tham gia bàn và biểu quyết đề cấp có thẩm quyền quyết định; tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định về các

công việc của thôn, tổ dân phố và của cấp xã theo quy định của Pháp lệnh Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

3. Xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố; tham gia tự quản trong việc giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội và vệ sinh môi trường; giữ gìn và phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp ở địa phương, phòng, chống các tệ nạn xã hội.

4. Thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tham gia, hưởng ứng các phong trào, cuộc vận động do Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phát động.

5. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

Điều 6. Hội nghị của thôn, tổ dân phố

Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; áp dụng và quy định thực hiện tại tỉnh Hòa Bình, cụ thể như sau:

1. Hội nghị thôn, tổ dân phố được tổ chức mỗi năm 02 lần (thời gian vào giữa năm và cuối năm), khi cần có thể họp bất thường theo yêu cầu để giải quyết công việc. Thành phần hội nghị là toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố. Hội nghị do Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố triệu tập và chủ trì (trừ trường hợp bất khả kháng thì ủy nhiệm cho Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố chủ trì). Hội nghị được tiến hành khi có trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tham dự.

Trường hợp thôn, tổ dân phố có địa bàn dân cư sống không tập trung, hoặc Nhà văn hóa, địa điểm tổ chức không đảm bảo tổ chức 01 lần, thì có thể tổ chức các Hội nghị theo từng cụm dân cư. Hội nghị của mỗi cụm dân cư được tiến hành khi có trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong cụm dân cư tham dự; kết quả Hội nghị ở từng cụm dân cư được tổng hợp vào kết quả chung của toàn thôn, tổ dân phố.

2. Việc tổ chức để Nhân dân bàn và quyết định trực tiếp hoặc biểu quyết đề cấp có thẩm quyền quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 1, Điều 2, Điều 3, Điều 4 và Điều 5 của Hướng dẫn ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Điều 7. Điều kiện thành lập thôn mới, tổ dân phố mới

Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; áp dụng và quy định thực hiện tại tỉnh Hòa Bình, cụ thể như sau:

1. Trong trường hợp do khó khăn trong công tác quản lý của chính quyền cấp xã, tổ chức hoạt động của thôn, tổ dân phố yêu cầu phải thành lập thôn mới, tổ dân phố mới thì việc thành lập thôn mới, tổ dân phố mới phải đạt các điều kiện sau:

a) Quy mô số hộ gia đình

- Đối với thôn: Có từ 150 hộ gia đình trở lên.

- Đối với tổ dân phố: Có từ 200 hộ gia đình trở lên.

b) Các điều kiện khác

Thôn, tổ dân phố có cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương để phục vụ hoạt động cộng đồng và bảo đảm ổn định cuộc sống của người dân.

2. Đối với các trường hợp đặc thù

a) Thôn, tổ dân phố nằm trong quy hoạch giải phóng mặt bằng, quy hoạch giãn dân, thôn hình thành do di dân ở miền núi, vùng cao, vùng sâu, vùng xa, thôn nằm ở nơi có địa hình bị chia cắt phức tạp; thôn có địa bàn rộng, giao thông đi lại khó khăn thì quy mô thôn có từ 50 hộ gia đình trở lên; tổ dân phố có từ 100 hộ gia đình trở lên.

b) Thôn, tổ dân phố đã hình thành từ lâu do xâm canh, xâm cư cần thiết phải chuyển giao quản lý giữa các đơn vị hành chính cấp xã để thuận tiện trong hoạt động và sinh hoạt của cộng đồng dân cư mà không làm thay đổi đường địa giới hành chính cấp xã thì thực hiện giải thể và thành lập mới thôn, tổ dân phố theo quy định. Trường hợp không đạt quy mô về số hộ gia đình thì thực hiện ghép cụm dân cư theo quy định.

c) Trường hợp cụm dân cư mới hình thành chưa đủ điều kiện để thành lập thôn, tổ dân phố theo quy định thì ghép vào thôn, tổ dân phố hiện có cho phù hợp, bảo đảm thuận lợi trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của hệ thống chính trị cấp xã và các hoạt động của thôn, tổ dân phố.

d) Đối với khu dân cư mới, khu đô thị mới hoặc tòa nhà cao tầng tại các khu vực có vị trí biệt lập đặc thù; có thiết kế, quy hoạch công năng sử dụng từ 150 hộ gia đình trở lên thuộc địa bàn xã, từ 200 hộ gia đình trở lên thuộc địa bàn phường, thị trấn; khi có từ 100 hộ gia đình thuộc địa bàn xã, có từ 150 hộ gia đình thuộc địa bàn phường, thị trấn đang cư trú, sinh hoạt thường xuyên thì được xem xét để thành lập thôn mới, tổ dân phố mới.

Điều 8. Điều kiện sáp nhập, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố

Thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; áp dụng và quy định thực hiện tại tỉnh Hòa Bình, cụ thể như sau:

1. Sáp nhập thôn, tổ dân phố

a) Đối với các thôn có quy mô dưới 75 hộ gia đình, tổ dân phố có quy mô dưới 100 hộ gia đình thì phải sáp nhập với thôn, tổ dân phố liền kề. Trường hợp đặc thù thì thôn có quy mô dưới 50 hộ gia đình, tổ dân phố có quy mô dưới 100 hộ gia đình phải sáp nhập với thôn, tổ dân phố liền kề.

b) Đối với các thôn có quy mô từ 75 hộ gia đình trở lên, tổ dân phố có quy mô từ 100 hộ gia đình trở lên, ở những nơi có điều kiện thuận lợi, Nhân dân đồng tình ủng hộ thì sáp nhập, hoặc điều chỉnh phạm vi thôn, tổ dân phố sáp nhập vào thôn, tổ dân phố giáp ranh, liền kề để giảm số lượng thôn, tổ dân phố.

c) Trong quá trình thực hiện sáp nhập thôn, tổ dân phố cần xem xét đến các yếu tố đặc thù về vị trí địa lý, địa hình và phong tục tập quán của cộng đồng dân cư tại địa phương.

d) Đề án sáp nhập thôn, tổ dân phố phải được trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình của từng thôn, tổ dân phố liên quan tán thành.

2. Giải thể thôn, tổ dân phố

Khi Nhà nước thu hồi đất để giải phóng mặt bằng hoặc do sắp xếp, ổn định dân cư và các trường hợp khác được cấp có thẩm quyền quyết định làm giảm số hộ gia đình của thôn hiện hữu còn lại dưới 75 hộ gia đình, tổ dân phố hiện hữu còn lại dưới 100 hộ gia đình thì phải giải thể để sáp nhập với thôn, tổ dân phố liền kề. Trường hợp đặc thù thì thôn có quy mô dưới 50 hộ gia đình, tổ dân phố có quy mô dưới 100 hộ gia đình phải giải thể để sáp nhập với thôn, tổ dân phố liền kề.

Việc di dân, bố trí dân cư và giải quyết các vấn đề liên quan khác được thực hiện theo Phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư hoặc Đề án sắp xếp, ổn định dân cư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Tên của thôn, tổ dân phố do thành lập mới hoặc mới hình thành do sáp nhập không được trùng với tên của thôn, tổ dân phố hiện có trong cùng một đơn vị hành chính cấp xã.

4. Việc đổi tên thôn, tổ dân phố phải nghiên cứu thận trọng, hạn chế; nếu xét thấy thật sự cần thiết thì thực hiện theo nguyện vọng của Nhân dân sinh sống tại thôn, tổ dân phố.

Điều 9. Quy trình và hồ sơ thành lập thôn mới, tổ dân phố mới

Thực hiện theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; áp dụng và quy định thực hiện tại tỉnh Hòa Bình, cụ thể như sau:

1. Căn cứ nguyên tắc quy định tại Điều 3 và điều kiện thành lập thôn mới, tổ dân phố mới tại Điều 7 Quy chế này; chậm nhất tháng 02 hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp huyện rà soát nhu cầu thực tiễn ở địa phương để báo cáo, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chủ trương thành lập thôn mới, tổ dân phố mới.

Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện giao Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng Đề án thành lập thôn mới, tổ dân phố mới; nội dung chủ yếu gồm:

a) Sự cần thiết thành lập thôn mới, tổ dân phố mới.

- b) Tên gọi của thôn mới, tổ dân phố mới.
- c) Dân số (số hộ gia đình, số nhân khẩu) của thôn mới, tổ dân phố mới.
- d) Các điều kiện khác quy định tại điểm b khoản 1 Điều 7 Quy chế này.
- đ) Đề xuất, kiến nghị.

e) Các tài liệu kèm theo: Danh sách các hộ gia đình đang cư trú thường xuyên và các văn bản, tài liệu chứng minh thôn, tổ dân phố đạt đủ các điều kiện quy định tại Điều 7 Quy chế này.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến của toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thành lập thôn mới, tổ dân phố mới về Đề án thành lập thôn mới, tổ dân phố mới; tổng hợp các ý kiến và lập thành Biên bản lấy ý kiến về Đề án.

3. Đề án thành lập thôn mới, tổ dân phố mới nếu được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thành lập thôn mới, tổ dân phố mới tán thành thì Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ, đề án (kèm theo Biên bản lấy ý kiến) trình Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua tại kỳ họp gần nhất. Trong thời hạn mười ngày làm việc kể từ ngày có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện, hồ sơ gồm:

- Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã về việc đề nghị thành lập thôn mới, tổ dân phố mới.
- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã.
- Đề án thành lập thôn mới, tổ dân phố mới.
- Biên bản lấy ý kiến của cử tri.

4. Trong thời hạn mười lăm ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến; Ủy ban nhân dân cấp huyện (chỉ đạo Phòng Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn thẩm định hồ sơ) hoàn thiện hồ sơ, chậm nhất tháng 8 hằng năm gửi Sở Nội vụ để thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh, hồ sơ gồm:

- Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Biên bản thẩm định.
- Toàn bộ hồ sơ của các xã, phường, thị trấn đề nghị thành lập thôn mới, tổ dân phố mới.

Thời hạn thẩm định của Sở Nội vụ không quá mười lăm ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình và hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

5. Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh gồm:

- a) Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện (kèm theo Tờ trình và hồ sơ thành lập thôn mới, tổ dân phố mới của Ủy ban nhân dân cấp xã trình Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này).

b) Văn bản thẩm định của Sở Nội vụ.

6. Căn cứ hồ sơ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện và kết quả thẩm định của Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét ban hành Nghị quyết về việc thành lập thôn mới, tổ dân phố mới tại kỳ họp thường lệ cuối năm.

Điều 10. Quy trình và hồ sơ sáp nhập, giải thể và đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố

Thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; áp dụng và quy định thực hiện tại tỉnh Hòa Bình, cụ thể như sau:

1. Quy trình và hồ sơ sáp nhập thôn, tổ dân phố được áp dụng thực hiện như quy trình và hồ sơ thành lập thôn mới, tổ dân phố mới quy định tại Điều 9 Quy chế này.

2. Chuyển “thôn” thành “tổ dân phố” trong trường hợp thành lập phường, thị trấn từ đơn vị hành chính xã; hoặc điều chỉnh địa giới hành chính của xã (trong đó có các thôn) vào đơn vị hành chính phường, thị trấn.

Căn cứ Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc thành lập phường, thị trấn từ đơn vị hành chính xã; hoặc điều chỉnh địa giới hành chính của xã vào đơn vị hành chính phường, thị trấn. Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát, lập danh sách thôn, tổ dân phố của địa phương; tổng hợp, báo cáo, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chuyển “thôn” thành “tổ dân phố” thuộc phường, thị trấn.

3. Đối với trường hợp giải thể thôn, tổ dân phố

Sau khi thực hiện xong Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hoặc Đề án sắp xếp, ổn định dân cư và các trường hợp khác được cấp có thẩm quyền phê duyệt; chậm nhất tháng 8 hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp huyện lập Tờ trình kèm theo Danh sách các hộ gia đình thuộc thôn, tổ dân phố liên quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ thẩm định) để trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định giải thể thôn, tổ dân phố vào kỳ họp thường lệ cuối năm.

4. Việc đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố

a) Việc đặt tên thôn, tổ dân phố được thực hiện trong quy trình lập hồ sơ thành lập thôn mới, tổ dân phố mới; sáp nhập thôn, tổ dân phố.

b) Việc đổi tên thôn, tổ dân phố thực hiện theo các bước như sau:

Ủy ban nhân dân cấp xã lập hồ sơ gồm: Tờ trình và Phương án đổi tên thôn, tổ dân phố (Phương án cần nêu rõ lý do của việc đổi tên thôn, tổ dân phố; tên của thôn, tổ dân phố sau khi đổi tên, ...) và tổ chức lấy ý kiến của toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố về phương án đổi tên thôn, tổ dân phố; tổng hợp các ý kiến và lập thành biên bản lấy ý kiến.

Phương án đổi tên thôn, tổ dân phố nếu được trên 50% số cử tri hoặc cử

tri đại diện hộ gia đình tán thành thì Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn thiện hồ sơ trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua Phương án đổi tên thôn, tổ dân phố; trong thời hạn năm ngày làm việc kể từ ngày có Nghị quyết Hội đồng nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Trong thời hạn mười ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến; Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo cơ quan chuyên môn thẩm định, hoàn thiện hồ sơ; chậm nhất tháng 8 hàng năm Ủy ban nhân dân cấp huyện có Tờ trình kèm theo hồ sơ gửi Sở Nội vụ thẩm định.

Trong thời hạn mười ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Ủy ban nhân dân cấp huyện chuyển đến, Sở Nội vụ thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét để trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết về việc đổi tên thôn, tổ dân phố vào kỳ họp thường lệ cuối năm.

Điều 11. Quy trình và hồ sơ ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có

Thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; áp dụng và quy định thực hiện tại tỉnh Hòa Bình, cụ thể như sau:

1. Đối với trường hợp ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Quy chế này thì sau khi có quyết định về chủ trương của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng Đề án ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có. Nội dung chủ yếu của Đề án gồm:

a) Sự cần thiết ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có.

b) Dân số (số hộ gia đình, số nhân khẩu) của thôn, tổ dân phố sau khi ghép.

c) Đề xuất, kiến nghị.

d) Các tài liệu kèm theo: Danh sách các hộ gia đình đang cư trú thường xuyên và các văn bản, tài liệu liên quan biến động số hộ gia đình của thôn, tổ dân phố.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến của toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thực hiện ghép cụm dân cư (bao gồm cụm dân cư và thôn, tổ dân phố hiện có) về Đề án ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có; tổng hợp các ý kiến và lập thành biên bản lấy ý kiến về Đề án.

3. Đề án ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có nếu được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thực hiện ghép cụm dân cư tán thành thì Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ (kèm theo biên bản lấy ý kiến) trình Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua tại kỳ họp gần nhất. Trong thời hạn mười ngày làm việc kể từ ngày có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Trường hợp Đề án chưa được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thực hiện ghép cụm dân cư tán thành thì Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến lần thứ 2; nếu vẫn không được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tán thành thì trong thời hạn năm ngày làm việc kể từ ngày có biên bản lấy ý kiến lần thứ 2, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định.

4. Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện, gồm:

a) Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Hồ sơ ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này.

5. Trong thời hạn mười lăm ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm xem xét, thông qua và giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định việc ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có (báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, qua Sở Nội vụ).

Chương III

TRƯỞNG THÔN, TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ VÀ PHÓ TRƯỞNG THÔN, PHÓ TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ

Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

Thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; áp dụng và quy định thực hiện tại tỉnh Hòa Bình, cụ thể như sau:

1. Nhiệm vụ

a) Triệu tập và chủ trì hội nghị thôn, tổ dân phố; tổ chức thực hiện những công việc thuộc phạm vi thôn, tổ dân phố đã được Nhân dân bàn và quyết định; bảo đảm các nội dung hoạt động của thôn, tổ dân phố theo quy định.

b) Phổ biến, tuyên truyền, vận động, tổ chức Nhân dân thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở và hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

c) Tổng hợp, phản ánh, đề nghị chính quyền cấp xã giải quyết những kiến nghị, nguyện vọng chính đáng, đúng pháp luật của Nhân dân trong thôn, tổ dân phố. Báo cáo kịp thời với Ủy ban nhân dân cấp xã về những hành vi vi phạm pháp luật trong thôn, tổ dân phố.

d) Thực hiện việc lập biên bản về kết quả đã được Nhân dân ở thôn, tổ dân phố bàn và quyết định trực tiếp những công việc của thôn, tổ dân phố; lập biên bản về kết quả đã được Nhân dân ở thôn, tổ dân phố bàn và biểu quyết những công việc thuộc phạm vi cấp xã; báo cáo kết quả cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

d) Phối hợp với Ban công tác Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể ở thôn, tổ dân phố để tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia thực hiện các phong trào và cuộc vận động do các tổ chức này phát động.

e) Sáu tháng đầu năm và cuối năm phải báo cáo kết quả công tác trước hội nghị thôn, tổ dân phố.

2. Quyền hạn

a) Được ký hợp đồng về xây dựng công trình do Nhân dân trong thôn, tổ dân phố đóng góp kinh phí đầu tư đã được hội nghị thôn, tổ dân phố thông qua và bảo đảm các quy định liên quan của chính quyền các cấp.

b) Được phân công nhiệm vụ giải quyết công việc cho Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố; được chính quyền cấp xã mời họp và cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến quản lý, hoạt động của thôn, tổ dân phố; được bồi dưỡng, tập huấn về công tác tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

Điều 13. Tiêu chuẩn Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố

Thực hiện theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, cụ thể như sau:

Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố phải là người có hộ khẩu thường trú và cư trú thường xuyên ở thôn, tổ dân phố; đủ 21 tuổi trở lên, có sức khỏe, nhiệt tình và có tinh thần trách nhiệm trong công tác, cộng đồng dân cư; có phẩm chất chính trị và phẩm chất đạo đức tốt, được Nhân dân tín nhiệm; bản thân và gia đình gương mẫu thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương; có kiến thức văn hóa, năng lực, kinh nghiệm và phương pháp vận động, tổ chức Nhân dân thực hiện tốt các công việc tự quản của cộng đồng dân cư và công việc cấp trên giao.

Điều 14. Quy trình bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

Thực hiện theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; áp dụng và quy định thực hiện tại tỉnh Hòa Bình, cụ thể như sau:

1. Quy trình bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

a) Trên cơ sở thống nhất với Chi ủy Chi bộ, Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố đề cử danh sách để Hội nghị của thôn, tổ dân phố bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; tại hội nghị này, cử tri tại thôn, tổ dân phố có thể tự ứng cử hoặc giới thiệu người ứng cử. Căn cứ kết quả bầu cử, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

Thời điểm tổ chức bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện thống nhất, đồng bộ về thời gian trong 60 ngày, kể từ khi hoàn thành tổ chức đại hội Chi bộ Đảng ở thôn, tổ dân phố theo nhiệm kỳ.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ các quy định hiện hành của pháp luật và điều kiện thực tiễn ở địa phương chỉ đạo thống nhất chung việc tổ chức bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố trên địa bàn huyện, thành phố.

b) Quy trình bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo quy định tại Chương 2 Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn thi hành các Điều 11, Điều 14, Điều 16, Điều 22 và Điều 26 của Pháp lệnh Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

2. Nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố

a) Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố có nhiệm kỳ là 2,5 năm (hai năm rưỡi). Trường hợp do thành lập thôn mới, tổ dân phố mới hoặc khuyết Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời để điều hành hoạt động của thôn, tổ dân phố cho đến khi bầu được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố trong thời hạn không quá sáu tháng kể từ ngày có quyết định cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời.

b) Nhiệm kỳ của Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố, thực hiện theo nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

Điều 15. Chế độ, chính sách đối với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố

Thực hiện theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; áp dụng và quy định thực hiện tại tỉnh Hòa Bình, cụ thể như sau:

1. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố là những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; được hưởng phụ cấp hằng tháng, mức phụ cấp do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật.

2. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn những kiến thức, kỹ năng cần thiết; nếu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thì được biểu dương, khen thưởng; không hoàn thành nhiệm vụ, có vi phạm khuyết điểm, không được Nhân dân tín nhiệm thì tùy theo mức độ sai phạm sẽ bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương IV

PHÂN LOẠI THÔN, TỔ DÂN PHỐ

Điều 16. Mục đích phân loại thôn, tổ dân phố

1. Làm căn cứ để thực hiện chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội của thôn, tổ dân phố; góp phần bảo đảm sự ổn định của thôn, tổ dân phố và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của chính quyền cơ sở.
2. Làm cơ sở giao tổng kinh phí hỗ trợ để bồi dưỡng cho người trực tiếp tham gia vào công việc của thôn, tổ dân phố.

Điều 17. Tiêu chí phân loại thôn, tổ dân phố

1. Quy mô số hộ gia đình: Xác định theo sổ đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn, tổ dân phố tính tại thời điểm rà soát phân loại theo số liệu quản lý thực tế của địa phương; tính điểm như sau:

a) Đối với thôn: Có từ 100 hộ gia đình trở xuống được tính 50 điểm; trên 100 hộ gia đình thì cứ thêm 10 hộ thì được tính 01 điểm, nhưng tối đa không quá 90 điểm.

b) Đối với tổ dân phố: Có từ 150 hộ gia đình trở xuống được tính 55 điểm; trên 150 hộ gia đình thì cứ thêm 10 hộ thì được tính 01 điểm, nhưng tối đa không quá 100 điểm.

2. Các yếu tố đặc thù

a) Thôn có từ 30% đến 50% dân số là người dân tộc thiểu số được tính 03 điểm; có trên 50% được tính 05 điểm: Xác định theo số nhân khẩu người dân tộc thiểu số so với tổng số nhân khẩu của thôn đã đăng ký hộ khẩu thường trú tính tại thời điểm rà soát phân loại theo số liệu quản lý thực tế của địa phương.

b) Thôn đặc biệt khó khăn được tính 05 điểm: Xác định theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, công nhận.

Điều 18. Khung điểm phân loại thôn, tổ dân phố

- Thôn, tổ dân phố loại I: Tổng số điểm đạt từ 80 điểm trở lên.
- Thôn, tổ dân phố loại II: Tổng số điểm đạt từ 61 đến 79 điểm.
- Thôn, tổ dân phố loại III: Tổng số điểm đạt từ 60 điểm trở xuống.

Điều 19. Thẩm quyền; các bước lập hồ sơ phân loại thôn, tổ dân phố

1. Thẩm quyền

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định kết quả phân loại thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh.

2. Các bước lập hồ sơ phân loại thôn, tổ dân phố

a) Ủy ban nhân dân cấp xã lập hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện (qua Phòng Nội vụ thẩm định), gồm:

- Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã.
- Biểu thống kê quy mô số hộ gia đình, các yếu tố đặc thù, tính điểm các tiêu chí và dự kiến phân loại thôn, tổ dân phố.
- Tài liệu khác kèm theo: Các văn bản của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, công nhận thôn đặc biệt khó khăn, tỷ lệ người dân tộc thiểu số.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện hoàn thiện hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

b.1) Ủy ban nhân dân cấp huyện giao Phòng Nội vụ chủ trì phối hợp với Công an cấp huyện, Chi cục Thống kê và Phòng Dân tộc cấp huyện tổ chức thẩm định hồ sơ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn; lập Biên bản thẩm định kèm theo Biểu thống kê quy mô số hộ gia đình, các yếu tố đặc thù, tính điểm các tiêu chí và dự kiến phân loại thôn, tổ dân phố (sau khi thẩm định); hoàn thiện hồ sơ, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

b.2) Ủy ban nhân dân cấp huyện lập hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, gồm:

- Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện.
- Báo cáo kết quả thẩm định, kèm theo Biểu thống kê, tổng hợp quy mô dân số, các yếu tố đặc thù và kết quả phân loại thôn, tổ dân phố trên địa bàn cấp huyện.
- Biên bản thẩm định kèm theo Biểu thống kê quy mô số hộ gia đình, các yếu tố đặc thù, tính điểm các tiêu chí và dự kiến phân loại thôn, tổ dân phố (sau khi thẩm định).
- Hồ sơ đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn nêu tại điểm a khoản 2 Điều này.

3. Sở Nội vụ tổng hợp, thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định kết quả phân loại thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh.

Điều 20. Điều chỉnh phân loại thôn, tổ dân phố

1. Sau 05 năm, kể từ ngày quyết định phân loại thôn, tổ dân phố có hiệu lực thi hành; Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện rà soát, lập hồ sơ điều chỉnh phân loại thôn, tổ dân phố trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

2. Trường hợp điều chỉnh, nhập thôn, tổ dân phố và thành lập thôn mới, tổ dân phố mới thì trong hồ sơ đề nghị, Ủy ban nhân dân cấp huyện đồng thời trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định kết quả phân loại thôn, tổ dân phố.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Trách nhiệm thi hành

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

- Trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết về việc thành lập, giải thể, nhập, chia thôn, tổ dân phố; đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh.

- Quyết định chuyển “thôn” thành “tổ dân phố” trong trường hợp thành lập phường, thị trấn từ đơn vị hành chính xã; hoặc điều chỉnh địa giới hành chính của xã (trong đó có các thôn) vào đơn vị hành chính phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.

- Quyết định kết quả phân loại, điều chỉnh kết quả phân loại thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Nội vụ

- Theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn và kiểm tra Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức, thực hiện Thông tư hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Quy chế này; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

- Thẩm định hồ sơ đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc thành lập, giải thể, nhập, chia thôn, tổ dân phố; đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh.

- Thẩm định hồ sơ đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc phân loại, điều chỉnh phân loại thôn, tổ dân phố; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định kết quả phân loại thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh.

- Tháng 12 hằng năm, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nội vụ về việc thực hiện Thông tư hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Quy chế này.

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh có liên quan: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, phân cấp thẩm quyền được giao có trách nhiệm phối hợp với Sở Nội vụ trong việc chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức, thực hiện Thông tư hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Quy chế này.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

- Chỉ đạo triển khai thực hiện, kiểm tra việc thực hiện Thông tư hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Quy chế này.

- Trình Ủy ban nhân dân tỉnh hồ sơ thành lập, giải thể, nhập, chia thôn, tổ dân phố; đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố trên địa bàn cấp huyện.

- Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hồ sơ phân loại, điều chỉnh phân loại thôn, tổ dân phố trên địa bàn cấp huyện.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, thông qua và giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định việc ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có.

- Chậm nhất ngày 10 tháng 12 hàng năm, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) về việc thực hiện Thông tư hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Quy chế này.

5. Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

- Triển khai thực hiện, quản lý, chỉ đạo, kiểm tra hoạt động của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố trên địa bàn bảo đảm theo quy định tại Thông tư hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Quy chế này.

- Trình Ủy ban nhân dân cấp huyện hồ sơ thành lập, giải thể, nhập, chia thôn, tổ dân phố; đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố trên địa bàn cấp xã.

- Trình Ủy ban nhân dân cấp huyện hồ sơ phân loại, điều chỉnh phân loại thôn, tổ dân phố trên địa bàn cấp xã.

- Trình Ủy ban nhân dân cấp huyện hồ sơ ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có.

Điều 22. Các tổ chức, cá nhân có hành vi làm sai lệch hồ sơ, số liệu trong quá trình cung cấp, xây dựng hồ sơ thành lập, giải thể, nhập, chia, phân loại, điều chỉnh phân loại thôn, tổ dân phố hoặc làm trái với quy định tại Thông tư hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Quy chế này thì tùy vào tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc thì Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét, giải quyết theo quy định./.